

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HS-ST
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đặng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Bình, bà Mua Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Quỳnh Trang là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Lại, ông Nùng Xuân Dĩ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 05/2025/TLST-HS, ngày 14 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HS ngày 20/3/2025 đối với các bị cáo:

1. Đồng Thị N, sinh năm 1977, tại xã T, huyện T, tỉnh N; nơi thường trú: Thôn C, xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú hiện nay: Thôn C, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng từ ngày 13/11/2024 theo Quyết định số 101-QĐ/UBKTHU, ngày 02/10/2024 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Y, tỉnh Hà Giang; con ông Đồng Văn R (đã chết) và bà Hà Thị S, sinh năm 1953; có chồng là Hà Văn B1, sinh năm 1968 và con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. Trần Thị B, sinh năm 1987, tại xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú hiện nay: Tổ dân phố AB, phường M, quận N, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Viên chức kế toán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng từ ngày 20/01/2025 theo Quyết định số 107-QĐ/UBKTHU, ngày 20/01/2025 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Y, tỉnh Hà Giang; con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Phạm Thị V, sinh năm 1965; có chồng là Đỗ Trung Kiên, sinh năm 1986 và con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2015;

tiền án tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- *Bị hại*: Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Ông Cẩn Xuân H, chức vụ Phó Trưởng phòng Tài chính kế hoạch huyện Y; địa chỉ: Tổ D, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Trường Mầm non B, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L, chức vụ Hiệu trưởng Trường Mầm non B; địa chỉ: Tổ H, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang (vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác*:

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị V1, bà Nguyễn Thị N1, bà Lê Thị N2, bà Hoàng Thị H1, bà Nùng Thị T1, bà Nguyễn Thị N3, bà Nùng Thị D, ông Lý Văn T2, bà Lý Thị I, bà Lù Thị L1, ông Lý Xuân T, ông Lù Khó D1, bà Hù Thị H2, bà Ly Thị L, bà Nguyễn Thị B1, ông Nguyễn Văn H3, bà Xin Thị T4 (có mặt); bà Hoàng Thị S1, ông Vàng Dung S2, ông Lý Xuân D2, ông Lưu Minh Đ, ông Lý Seo D3, bà Lộc Thị H4, ông Đinh Hữu D4, ông Vàng Seo M, bà Triệu Thị H4, bà Vàng Thị C, ông Sân Sào P, ông Trần Biên P1, ông Trần Seo L3, bà Tân Thị T, bà Lùng Thị C1, bà Xin Thị T5, bà Lù Thị H5, bà Hồ Thị D5, bà Hà Thị H6, ông Xuân Dung P2, bà Nguyễn Thị L4, ông Vương Văn T6, bà Nguyễn Thị T7, bà Mua Thị H (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Đồng Thị N được phân công công tác và giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Mầm non B, huyện Y theo Quyết định số 3811/QĐ-UBND, ngày 05/9/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Y. Trong giai đoạn từ năm học 2020-2021 đến năm học 2022-2023 Đồng Thị N đã lập không hợp đồng lao động về việc thuê người nấu ăn cho học sinh theo định suất cán bộ phục vụ cho trẻ ăn bán trú được Ủy ban nhân dân huyện Y phê duyệt (*theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non, trong đó quy định về kinh phí chi trả cho nhân viên nấu ăn cho trẻ em ăn bán trú tối thiểu 2.400.000^d/01 tháng/ 01 định suất, có hiệu lực từ ngày 01/11/2020*). Sau đó Đồng Thị N cung cấp danh sách những người có tên trong hợp đồng lao động cho Trần Thị B khi đó là kế toán Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học B, kiêm nhiệm kế toán trường Mầm non B (*là kế toán từ ngày 10/4/2019 đến 31/8/2023 theo Quyết định số 891/QĐ-UBND, ngày 03/4/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Y*) để làm thủ tục rút tiền và quyết toán nguồn kinh phí trên. Sau khi rút được tiền, Đồng Thị N đã chỉ đạo chi sai vào các mục đích khác không đúng nguồn kinh phí được cấp, cụ thể:

Năm học 2020-2021: Trường mầm non B được phê duyệt 04 định suất cán bộ phục vụ cho trẻ ăn bán trú (theo Quyết định số 3753/QĐ-UBND, ngày 22/10/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Y) nhưng Đồng Thị N chỉ hợp đồng thuê 01 người nấu ăn thực tế cho học sinh tại trường là bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1975, trú tại thôn N, xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang theo hợp đồng lao động số 16/HĐ-TrMN, ngày 28/8/2020 và lập không thêm 03 hợp đồng lao động thuê người nấu ăn cho học sinh gồm anh Vương Văn T6, sinh năm 1984, trú tại thôn D, xã B, huyện V, tỉnh Hà Giang; Nguyễn Văn H3, sinh năm 1987, trú tại thôn Đ, xã B, huyện Y; Xin Thị T5, sinh năm 1997, trú tại thôn N, xã B, huyện Y, sau đó lập danh sách những người có tên trong hợp đồng chuyển cho Trần Thị B là kế toán nhà trường để làm thủ tục rút tiền từ ngân sách Nhà nước. Trong năm học 2020-2021, Trường mầm non B được cấp và sử dụng nguồn kinh phí theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, ngày 08/9/2020 của Chính phủ là 60.000.000^d/04 định suất/07 tháng, Đồng Thị N đã chỉ đạo chi trả nguồn kinh phí thuê 01 người nấu ăn thực tế tại trường hết số tiền là 22.650.000^d. Số tiền còn lại 37.350.000^d, Đồng Thị N chỉ đạo Nguyễn Thị N1, sinh năm 1987, trú tại thôn Đ, xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang là giáo viên kiêm thủ quỹ của trường chi sai mục đích nguồn kinh phí cho việc thuê người trực ngày nghỉ, ngày lễ, tết, thuê người quét dọn vệ sinh trường học, không đúng theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, ngày 08/9/2020 của Chính phủ.

Năm học 2021-2022: Trường mầm non B được phê duyệt 04 định suất cán bộ phục vụ nấu ăn cho trẻ ăn bán trú (theo Quyết định số 5469/QĐ-UBND, ngày 13/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Y) nhưng Đồng Thị N chỉ hợp đồng lao động thuê 01 người nấu ăn thực tế cho học sinh tại trường là bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1975, trú tại thôn N, xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang theo hợp đồng lao động số 08/HĐ-TrMN, ngày 28/8/2022 và lập không thêm 03 hợp đồng lao động thuê người nấu ăn cho học sinh như năm học 2020 - 2021, rồi chuyển danh sách những người có tên trong hợp đồng cho kế toán nhà trường là Trần Thị B để làm thủ tục rút tiền từ ngân sách Nhà nước. Trong năm học 2021-2022, Trường mầm non B được cấp và sử dụng kinh phí để thuê người phục vụ nấu ăn theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, ngày 08/9/2020 của Chính phủ là 76.800.000^d/04 định suất/09 tháng. Sau khi rút được tiền, Đồng Thị N đã chỉ đạo chi trả nguồn kinh phí cho 01 người nấu ăn thực tế tại trường là 26.000.000^d. Số tiền còn lại 50.800.000^d, Đồng Thị N đã chi sai mục đích nguồn kinh phí cho việc thuê người trực ngày nghỉ, ngày lễ, tết quét dọn vệ sinh, không đúng theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, ngày 08/9/2020 của Chính phủ.

Năm học 2022-2023: Trường mầm non B được phê duyệt 05 định suất cán bộ phục vụ nấu ăn cho trẻ ăn bán trú (theo Quyết định số 6989/QĐ-UBND, ngày 12/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Y) nhưng Đồng Thị N chỉ hợp đồng lao động thuê 01 người nấu ăn thực tế cho học sinh tại trường là bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1975, trú tại thôn N, xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang theo hợp đồng lao động số 12/HĐ-TrMN, ngày 28/8/2022 và lập không thêm 04 hợp đồng lao động gồm chị Xin Thị T5, sinh năm 1997, trú tại thôn N, xã B, huyện Y; chị Hồ Thị D5, sinh năm 1998, trú tại thôn Đ, xã B, huyện Y; chị Nguyễn Thị L4, sinh năm 1979,

trú tại thôn N, xã B, huyện Y; chị Lùng Thị C1, sinh năm 1994, trú tại thôn N, xã B, huyện Y rồi chuyển danh sách những người có tên trong hợp đồng cho Trần Thị B là kế toán nhà trường để làm thủ tục rút tiền từ ngân sách Nhà nước. Trong năm học 2022-2023, Trường mầm non B được cấp kinh phí để thuê người phục vụ nấu ăn tại trường theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, ngày 08/9/2020 của Chính phủ là 108.000.000^d. Đồng Thị N đã chỉ đạo kế toán rút hết số tiền từ ngân sách Nhà nước về cho trường. Sau đó, Đồng Thị N đã chỉ đạo chi trả nguồn kinh phí cho 01 người hợp đồng nấu ăn thực tế tại trường là 30.600.000^d. Số tiền còn lại là 77.400.000^d, Đồng Thị N đã chi sai mục đích nguồn kinh phí được cấp để chi cho việc thuê người trực ngày nghỉ, ngày lễ, tết, thuê người quét dọn vệ sinh trường học không đúng theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, ngày 08/9/2020 của Chính phủ.

Căn cứ kết quả điều tra, tài liệu chứng cứ thu thập được, xác định từ năm học 2020-2021 đến năm học 2022-2023, Trường Mầm non B được cấp nguồn kinh phí thuê nhân viên nấu ăn cho học sinh ăn bán trú (*theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non*) tổng số là: 244.800.000^d, sau đó Đồng Thị N đã lập hợp đồng lao động, lập danh sách các hợp đồng chuyển cho Trần Thị B là kế toán nhà trường rút dự toán từ ngân sách Nhà nước về cho trường theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP, ngày 08/9/2020 của Chính phủ. Sau khi rút được tiền đã chi trả cho hợp đồng nấu ăn thực tế của trường hết 79.250.000^d, số còn lại Đồng Thị N đã chỉ đạo chi sai nguồn kinh phí vào việc thuê người quét dọn, trực lễ, tết, hè là: 165.550.000^d không đúng theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, ngày 08/9/2020 của Chính phủ.

Ngày 12/12/2023, sau khi bị tố giác, Đồng Thị N bị tạm đình chỉ công tác theo Quyết định số 6969/QĐ-UBND, ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Y; ngày 13/12/2023 Thanh tra huyện Y ban hành Quyết định số 08/QĐ-TTr, về việc thanh tra trách nhiệm Hiệu trưởng Trường Mầm non B về công tác quản lý sử dụng ngân sách và các nguồn đóng góp, tài trợ của tổ chức cá nhân cho nhà trường; ngày 14/3/2024 Thanh tra huyện Y đã ban hành Kết luận thanh tra số 24/KL-TTr, về kết quả thanh tra tại trường mầm non B.

Ngày 09/8/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y có văn bản Yêu cầu cung cấp chứng cứ, đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử yêu cầu Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Y, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Y, Thanh tra huyện Y, Phòng Nội vụ huyện Y, Trường Mầm non B, huyện Y, Ngân hàng Agriank chi nhánh huyện Y cung cấp chứng cứ, đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử có liên quan đến vụ án. Kết quả, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Y, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Y, Thanh tra huyện Y, Phòng Nội vụ huyện Y, Trường Mầm non B, huyện Y và Ngân hàng Agriank chi nhánh huyện Y đã cung cấp cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện các văn bản, tài liệu chứng từ có liên quan đến nội dung vụ án.

Ngày 11/09/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã tiến hành kiểm tra dữ liệu trong cây máy tính nhãn hiệu HP PAVILION (là máy tính cá nhân

của bị cáo Đồng Thị N). Kết quả Đồng Thị N không nhớ mật khẩu để đăng nhập vào máy tính.

Ngày 22/10/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã tiến hành kiểm tra dữ liệu trong máy tính xách tay (laptop) nhãn hiệu HP của Đồng Thị N. Kết quả làm việc phát hiện file dữ liệu được lưu trong máy tính bị cáo Đồng Thị N. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y tiến hành in các file tài liệu trên và cho bị cáo Đồng Thị N ký xác nhận vào các trang tài liệu và lưu vào hồ sơ vụ án.

Ngày 08/11/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y, tỉnh Hà Giang ra Quyết định trưng cầu giám định số 281/QĐ-ĐTTH, trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang giám định kỹ thuật số, khôi phục dữ liệu đối với 02 chiếc máy tính tạm giữ của bị cáo Đồng Thị N. Ngày 19/11/2024 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang ra Kết luận giám định số 412/KL-KTHS, kết luận:

“Tìm thấy 53.964 file dữ liệu hình ảnh; 1092 file Microsoft Excel, 29 file Microsoft PowerPoint, 3310 file Microsoft Word, 901 file PDF trong mẫu cần giám định ký hiệu A1.

Tìm thấy 125.863 file dữ liệu hình ảnh; 841 file Microsoft Excel, 42 file Microsoft PowerPoint, 3293 file Microsoft Word, 556 file PDF trong mẫu cần giám định ký hiệu A2.

Kèm theo kết luận giám định: 01 (một) USB lưu dữ liệu dạng văn bản, hình ảnh tìm thấy trong mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, có tên “412-YM.rar”, mã MD5 là 1408B928CDB38BBBCBC802405664820A”.

Ngày 06/12/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã tiến hành kiểm tra dữ liệu USB lưu dữ liệu dạng văn bản, hình ảnh được trích xuất, khôi phục, sao lưu từ máy tính xách tay (laptop) nhãn hiệu HP của bị cáo Đồng Thị N. Kết quả phát hiện có một số file tài liệu liên quan đến vụ án. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y tiến hành in các file tài liệu trên và cho bị cáo Đồng Thị N ký xác nhận vào các trang tài liệu và lưu vào hồ sơ vụ án.

Ngày 20/11/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y, tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 283/QĐ-ĐTTH trưng cầu Phòng tài chính kế hoạch huyện Y giám định tài chính kế toán đối với quy trình kế toán của Trần Thị B trong giai đoạn từ năm học 2020-2021 đến năm 2022-2023 tại trường Mầm non B.

Ngày 09/12/2024 Phòng tài chính kế hoạch huyện có kết luận như sau: “Theo như phần đáp của biên bản ghi lời khai của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đối với bà Trần Thị B có nội dung sau khi có Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện thì Ban giám hiệu nhà trường tự làm hợp đồng lao động thuê người nấu ăn và gửi danh sách cho tôi (gửi bản mềm cho tôi qua zalo và gmail thông tin người làm công việc nấu ăn theo Quyết định của UBND huyện) Nội dung này kế toán làm chưa đúng chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định thì kế toán phải căn cứ hợp đồng lao động có chữ ký đóng dấu của người thuê lao động (bên A)

và người lao động (bên B) sau đó mới lập danh sách để chi tiền cho nhân viên nấu ăn cho học sinh. Nội dung này sai phạm ở Điều 4 Mục 2 Luật số 88/2015/QH 13 ngày 20/11/2015 của Quốc hội về nhiệm vụ kế toán phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán, khi phát hiện nhà trường hợp đồng với 4-5 người nấu ăn, nhưng thực tế chỉ cho 01 người nhưng vẫn lập chứng từ chi cho 4-5 người, như vậy là vi phạm cả theo Điều 13 Mục 1 của Luật số 88/2015/QH 13 ngày 20/11/2015 của Quốc hội và thực tế chỉ cho 01 người nhưng chứng từ chi là 4-5 người là giả mạo chứng từ là hành vi nghiêm cấm trong Luật kế toán. Vi phạm này gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước, mức độ thiệt là số tiền thực tế chi cho 01 người, nhưng chứng từ lập là 4-5 người”.

Ngày 09/12/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y, tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 287/QĐ-ĐTTH, trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang giám định đường vân. Ngày 20 tháng 12 năm 2024, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang ra Bản kết luận giám định số: 448/KL-KTHS, kết luận: “Các dấu vân tay đứng tên Nguyễn Thị B1 trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5, A6, A8, A9, A10, A12, A15, A16, A17, A18, A19, A20 không đủ yếu tố giám định.

Không đủ cơ sở kết luận các dấu vân tay đứng tên Nguyễn Thị B1 trên các mẫu cần giám định ký hiệu A7, A11, A13 so với dấu vân tay in trên danh, chỉ bản mẫu so sánh ký hiệu M có phải cùng một người in ra không.

Dấu vân tay đứng tên Nguyễn Thị B1 trên mẫu cần giám định ký hiệu A14 và dấu vân tay in trên ô ngón trỏ phải của danh chỉ bản mẫu so sánh ký hiệu M là của cùng một người”.

Ngày 09/12/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y, tỉnh Hà Giang ra Quyết định trưng cầu giám định số 288/QĐ-ĐTTH, trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang giám định tài liệu (chữ viết, chữ ký). Ngày 23 tháng 12 năm 2024, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang ra Bản kết luận giám định số: 01/KL-KTHS, kết luận:

“- Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị N1 trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A7, A11, A12, A15, A16, A17, A28, A36 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị N1 trên các mẫu so sánh ký hiệu M7, M20 đến M24 do cùng một người ký ra.

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Nguyễn Thị N1 trên các mẫu cần giám định ký hiệu A8, A13, A14, A18, từ A21 đến A27, A30, A34, A35, A37, A38 A39 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị N1 trên các mẫu so sánh ký hiệu M7, M20 đến M24 có phải do cùng một người ký ra không.

- Chữ ký đứng tên Đồng Thị N trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A4 đến A14, A19, A21 đến A29, A31 đến A33, A35 đến A37, A47, A48, A51 đến A54 so với chữ ký đứng tên Đồng Thị N trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M19 đến M25 do cùng một người ký ra.

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Đồng Thị N trên các mẫu cần giám định ký hiệu A2, A3, A15 đến A18, A20, A30, A34, A38 đến A40, A49, A50

so với chữ ký đứng tên Đồng Thị N trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M19 đến M25 có phải do cùng một người ký ra không.

- Chữ ký đứng tên Nùng Thị T1 trên các mẫu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ ký đứng tên Nùng Thị T1 trên các mẫu so sánh ký hiệu M9, M25 do cùng một người ký ra.

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Nùng Thị T1 trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A5 đến A7, A13, A15, A16, A18, A24, A26 đến A29 so với chữ ký đứng tên Nùng Thị T1 trên các mẫu so sánh ký hiệu M9, M25 có phải do cùng một người ký ra không.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị N3 trên các mẫu cần giám định ký hiệu A4, A14, A23, A25 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị N3 trên các mẫu so sánh ký hiệu M10 do cùng một người ký ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Hoàng Thị S1 trên các mẫu cần giám định ký hiệu A8, A30 so với chữ ký đứng tên Hoàng Thị S1 trên các mẫu so sánh ký hiệu M11 có phải do cùng một người ký ra không.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Vương Văn T6 trên các mẫu cần giám định ký hiệu A9, A10, A19, A20 so với chữ ký đứng tên Vương Văn T6 trên các mẫu so sánh ký hiệu M1 có phải do cùng một người ký ra không.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Nguyễn Văn H3 trên các mẫu cần giám định ký hiệu A9, A10, A17, A19, A20 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Văn H3 trên các mẫu so sánh ký hiệu M5 có phải do cùng một người ký ra không.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Xìn Thị T5 trên các mẫu cần giám định ký hiệu A9, A10, A19, A20, A31, A32, A33, A34, A35, A36, A42, A48 so với chữ ký đứng tên Xìn Thị T5 trên các mẫu so sánh ký hiệu M6 có phải do cùng một người ký ra không.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Hồ Thị D5 trên các mẫu cần giám định ký hiệu A31, A32, A33 so với chữ ký đứng tên Hồ Thị D5 trên các mẫu so sánh ký hiệu M8 có phải do cùng một người ký ra không.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Lù Thị H5 trên các mẫu cần giám định ký hiệu A40, A41, A43 đến A47 so với chữ ký đứng tên Lù Thị H5 trên các mẫu so sánh ký hiệu M4 có phải do cùng một người ký ra không.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Xuân Dung P2 trên mẫu cần giám định ký hiệu A49 so với chữ ký đứng tên Xuân Dung P2 trên các mẫu so sánh ký hiệu M3 có phải do cùng một người ký ra không.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Hà Thị H6 trên mẫu cần giám định ký hiệu A50 so với chữ ký đứng tên Hà Thị H6 trên các mẫu so sánh ký hiệu M3 có phải do cùng một người ký ra không.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Trần Thị B trên các mẫu cần giám định ký hiệu A9, A10, A19, A20, A31, A32, A33 so với chữ ký đứng tên

Trần Thị B trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M12 đến M18 có phải do cùng một người ký ra không”.

Tại bản cáo trạng số: 06/CT-VKSYM ngày 13/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố các bị cáo Đồng Thị N, Trần Thị B về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Đồng Thị N, Trần Thị B phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Về hình phạt chính: Căn cứ khoản 1 Điều 356, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đồng Thị N từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng; xử phạt bị cáo Trần Thị B từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ Điều 41, khoản 4 Điều 356 của Bộ luật Hình sự, cấm bị cáo Đồng Thị N đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến công tác quản lý về giáo dục với thời hạn 01 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; cấm bị cáo Trần Thị B đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến công tác quản lý về tài chính, kế toán với thời hạn 01 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã bồi thường khắc phục xong tổng số tiền 165.550.000^d, người đại diện theo ủy quyền của bị hại không đề nghị bồi thường gì thêm nên không đề nghị giải quyết.

Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, để xử lý vật chứng cụ thể: Tịch thu sung quỹ nhà nước đối với vật chứng là 01 máy tính xách tay (laptop) nhãn hiệu HP, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Đồng Thị N; trả lại tài sản là 01 cây máy tính nhãn hiệu HP PAVILION, màu đen, đã qua sử dụng cho Trường Mầm non xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Người nhận là bà Nguyễn Thị L, địa chỉ: Tổ H, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Đồng Thị N, Trần Thị B nhất trí với luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, không có tranh luận đối đáp gì thêm chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo ở mức thấp nhất, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm về trách nhiệm dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa có quan điểm ghi trong đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị trả lại cho Trường Mầm non xã B 01 cây máy tính nhãn hiệu HP PAVILION, màu đen, đã qua sử dụng.

Kiểm sát viên có quan điểm: Các bị cáo đều đồng tình với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát điều đó khẳng định Cáo trạng truy tố bị cáo ra trước Tòa là có căn cứ đúng người đúng tội, đúng pháp luật, luận tội của Viện kiểm sát là có căn cứ, do vậy đại diện viện kiểm sát không có tranh luận đối đáp gì thêm.

Các bị cáo nói lời sau cùng đều tỏ ra rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đều mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, đều xin hứa sẽ không tái phạm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố xét xử đều được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có khiếu nại, tố cáo trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố xét xử đều hợp pháp; Về tính hợp pháp của các chứng cứ tài liệu do Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng cung cấp đều được đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có khiếu nại, tố cáo trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử. Do đó các chứng cứ tài liệu do Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng cung cấp đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L đã có đơn xin xét xử vắng mặt và quan điểm đối với vụ án; vắng mặt những người làm chứng bà Hoàng Thị S1, ông Vàng Dung S2, ông Lý Xuân D2, ông Lưu Minh Đ, ông Lý Seo D3, bà Lộc Thị H, ông Đinh Hữu D4, ông Vàng Seo M, bà Triệu Thị H4, bà Vàng Thị C, ông Sân Sào P, ông Trần Biên P1, ông Trần Seo L3, bà Tần Thị T4, bà Lùng Thị C1, bà Xìn Thị T5, bà Lù Thị H5, bà Hồ Thị D5, bà Hà Thị H6, ông Xuân Dung P2, bà Nguyễn Thị L4, ông Vương Văn T6, bà Nguyễn Thị T7, bà Mua Thị H7 không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[3] Về tội danh và định khung hình phạt: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đồng Thị N đã thành khẩn khai nhận hành vi lập không hợp đồng để rút dự toán từ ngân sách Nhà nước, sau khi rút được dự toán về cho nhà trường và

chi trả cho một hợp đồng nấu ăn thực tế của nhà trường, số còn lại Đồng Thị N đã sử dụng sai mục đích nguồn kinh phí vào mục đích chung của nhà trường như thuê quét dọn, thuê trực các ngày nghỉ lễ, tết... gây thiệt hại cho nhà nước tổng số tiền 165.550.000^d; bị cáo Trần Thị B cũng đã thành khẩn khai nhận trong thời gian làm kế toán kiêm nhiệm tại trường Mầm non B từ năm 2019 đến năm 2023, sau khi nhận được danh sách từ Đồng Thị N, bị cáo biết được danh sách thuê người nấu ăn cho học sinh do bị cáo Đồng Thị N cung cấp là không đúng với số lượng người nấu ăn cho học sinh thực tế được thuê tại nhà trường nhưng bị cáo Trần Thị B vẫn làm hồ sơ chứng từ rút tiền từ ngân sách Nhà nước được cấp theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP, ngày 08/9/2020 của Chính phủ theo danh sách của bị cáo Đồng Thị N cung cấp, tổng số thiệt hại cho ngân sách Nhà nước là 165.550.000^d. Mục đích bị cáo Trần Thị B làm thủ tục rút nguồn kinh phí trên nhằm giúp cho Trường Mầm non B có nguồn kinh phí để sử dụng vào công việc chung của nhà trường, dẫn đến việc bị cáo Đồng Thị N chi sai mục đích nguồn kinh phí được cấp. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định.

[4] Bị cáo Đồng Thị N trong thời gian giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Mầm non B (từ năm học 2020- 2021 đến năm học 2022- 2023) đã lợi dụng chức vụ quyền hạn của mình để làm trái, làm không đúng quy định trong việc sử dụng nguồn kinh phí được cấp theo Nghị định số: 105/2020/NĐ-CP, ngày 08/9/2020 của Chính phủ, chi sai mục đích nguồn kinh phí vào mục đích chung của nhà trường nhằm mục đích khẳng định, củng cố, nâng cao uy tín, quyền lực của mình một cách không chính đáng, mặc dù việc thuê bảo vệ, người quét dọn, trực các ngày nghỉ, ngày lễ, tết không được ngân sách nhà nước chi trả nhưng bị cáo đã sử dụng nguồn kinh phí được cấp theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP, ngày 08/9/2020 của Chính phủ để chi trả, gây thiệt hại về tài sản cho Nhà nước tổng số tiền 165.550.000^d (một trăm sáu mươi năm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

[5] Bị cáo Trần Thị B trong thời gian làm kế toán kiêm nhiệm tại trường Mầm non B, bị cáo biết được danh sách thuê người nấu ăn cho học sinh do bị cáo Đồng Thị N cung cấp là không đúng với số lượng người nấu ăn cho học sinh thực tế được thuê tại nhà trường nhưng bị cáo Trần Thị B vẫn làm hồ sơ chứng từ rút tiền được cấp theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP, ngày 08/9/2020 của Chính phủ nhằm giúp cho Trường Mầm non B có nguồn kinh phí để sử dụng vào công việc chung của nhà trường, dẫn đến việc bị cáo Đồng Thị N chi sai mục đích nguồn kinh phí được cấp, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước tổng số tiền 165.550.000^d (một trăm sáu mươi năm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

[6] Hành vi nêu trên của các bị cáo Đồng Thị N, Trần Thị B gây ra là nghiêm trọng, thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Đồng Thị N là người có chức vụ quyền hạn, mặc dù biết hành vi của mình là không đúng theo quy định nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo Trần Thị B là đồng phạm giữ vai trò giúp sức cho bị cáo N trong việc thực hiện hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Các bị cáo đã lợi dụng chức vụ quyền hạn của mình để làm trái quy định, trái công vụ, mặc dù các bị cáo không có tư lợi nhưng đã gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước tổng số tiền 165.550.000^d. Hành vi của các bị cáo xâm

phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và công dân, cần phải có hình phạt thích đáng, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội để bị cáo thấy được tính nghiêm minh của pháp luật. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 356 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Vai trò của các bị cáo trong thực hiện hành vi phạm tội: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, thực hiện theo chức năng nghiệp vụ chuyên môn của từng người. Bị cáo Đồng Thị N là người chủ động, trực tiếp lập khống các hợp đồng lao động sau đó chuyển cho Trần Thị B để làm thủ tục rút tiền, sau khi rút được tiền, Đồng Thị N là người trực tiếp chỉ đạo chi sai nguồn kinh phí được cấp do vậy bị cáo Đồng Thị N là người giữ vai trò chính trong vụ án và phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất; bị cáo Trần Thị B thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là đồng phạm giúp sức tích cực cho bị cáo Đồng Thị N trong việc lập hồ sơ chứng từ để rút nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, do đó phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện. Giữa bị cáo Đồng Thị N và bị cáo Trần Thị B không có sự bàn bạc thống nhất với nhau và cũng không được hưởng lợi từ nguồn kinh phí nêu trên. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự về căn cứ quyết định hình phạt và quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm đối với các bị cáo.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Đồng Thị N, Trần Thị B đều đã nhận thức rõ sai phạm, phối hợp tốt với Cơ quan Cảnh sát điều tra, thành khẩn khai báo, ăn hối cải; chủ động khắc phục hậu quả toàn bộ số tiền thiệt hại đã gây ra là 165.550.000^d cho nhà nước; quá trình công tác luôn có ý thức phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có nhiều thành tích trong công tác, nhiều năm đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở, danh hiệu lao động tiên tiến, được tặng thưởng nhiều bằng khen, giấy khen của các cấp; các bị cáo đều phạm tội lần đầu; quá trình điều tra và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo ở mức thấp nhất để các bị cáo có cơ hội trở lại cơ quan, đơn vị công tác; bị cáo N có bố chồng là ông Hà Văn S3 được tặng thưởng nhiều Huân chương trong kháng chiến, là thương binh hạng A, là những tình tiết để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[10] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật nhà nước, quy định địa phương nơi cư trú.

[11] Về hình phạt chính: Bị cáo Đồng Thị N có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 04 tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Thị B có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 02 tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình

sự; các bị cáo đều có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Tại phiên toà các bị cáo xin hứa quyết tâm sửa chữa lỗi lầm của mình đã gây ra. Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xét xử các bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách để các bị cáo tự cải tạo tại địa phương và gia đình, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, mà tu dưỡng rèn luyện bản thân trong thời gian thử thách; cũng như tạo điều kiện, cơ hội để các bị cáo phấn đấu trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội và công tác phòng ngừa tội phạm chung.

[12] Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo N, bị cáo B thực hiện hành vi phạm tội đều là những người có chức vụ, quyền hạn nhất định, nên cần áp dụng khoản 4 Điều 356, Điều 41 của Bộ luật Hình sự cấm bị cáo Đồng Thị N đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến công tác quản lý về giáo dục với thời hạn là 01 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; cấm bị cáo Trần Thị B đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến công tác quản lý về tài chính, kế toán với thời hạn là 01 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[13] Đối với Nguyễn Thị N1 là giáo viên kiêm thủ quỹ của Trường mầm non B là người trực tiếp chi tiền và lập các bảng kê cho người nhận tiền ký vào bảng kê. Tuy nhiên Nguyễn Thị N1 thực hiện dưới sự chỉ đạo của bị cáo Đồng Thị N và không biết việc sử dụng nguồn kinh phí trên là sai mục đích. Quá trình điều tra, xác định hành vi của Nguyễn Thị N1 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không xem xét xử lý là đúng quy định, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[14] Đối với kết luận của Phòng tài chính kế hoạch huyện Y kết luận hành vi của Trần Thị B vi phạm quy định tại Điều 4 Mục 2 Luật số 88/2015/QH 13 ngày 20/11/2015 của Quốc hội về nhiệm vụ kế toán phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán và Điều 13 Mục 1 của Luật số 88/2015/QH 13 ngày 20/11/2015 của Quốc hội. Tuy nhiên hành vi của Trần Thị B đã được xử lý bằng biện pháp hình sự với vai trò là đồng phạm về tội lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ trong vụ án này, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[15] Đối với nguồn kinh phí do tổ chức từ thiện A tài trợ cho các học sinh tại trường Mầm non B trong năm học 2023-2024: Quá trình điều tra thu thập tài liệu nhận thấy Trường Mầm non B có 66 học sinh được hưởng hỗ trợ tiền ăn trưa của tổ chức từ thiện A (với số tiền 8.000 đồng/01 học sinh/01 ngày). Nhưng từ tháng 9/2023 đến tháng 11/2023 nhà trường vẫn tổ chức thu tiền ăn của 66 học sinh trên với mức tiền là 10.000 đồng/01 học sinh/ 01 ngày. Quá trình điều tra xác định do những năm học trước đó đã tổ chức thu tiền ăn đối với số học sinh này nên ban giám hiệu nhà trường đã thống nhất với nhau về việc thu tiền ăn của số học sinh trên để tổ chức nấu ăn, sau đó nhà trường sẽ chi trả số tiền học sinh được hưởng theo từng quý của năm học. Và đến ngày 10/12/2023 trường Mầm non B đã chi trả cho phụ huynh của 66 học sinh số tiền ăn đã thu trước đó và không tiến hành thu tiền ăn của số học sinh này mà sử dụng tiền hỗ trợ của tổ chức từ thiện A nấu ăn

cho học sinh. Quá trình điều tra, xác định không có dấu hiệu của tội phạm, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[16] Đối với các chế độ học sinh được hưởng, việc mua sắm trang thiết bị nhà trường từ năm học 2020-2021 đến năm học 2022-2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã tiến hành thu thập tài liệu chứng từ của Trường Mầm non B và Phòng tài chính kế hoạch huyện cung cấp. Căn cứ vào chứng từ tài liệu, kết quả làm việc với các phụ huynh học sinh, phòng tài chính kế hoạch huyện, nhận thấy Trường Mầm non B thực hiện chi trả các chế độ cho học sinh, mua sắm trang thiết bị theo đúng quy định. Quá trình điều tra, xác định không có dấu hiệu của tội phạm, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[17] Đối với việc thực hiện chế độ khẩu phần ăn hàng ngày cho học sinh, Cơ quan điều tra đã xác minh, làm việc với những người cung cấp thực phẩm cho nhà trường và Nguyễn Thị N1 là người trực tiếp mua thực phẩm hàng ngày cho học sinh. Quá trình điều tra, xác định việc sử dụng tiền ăn 10.000 đồng/01 học sinh/ 01 ngày nhà trường đã tổ chức thực hiện việc mua thực phẩm và mua những đồ khác như gas, đồ gia vị khác ... nên có ngày nhà trường chi ít hơn so với số tiền ăn thu trong ngày, có ngày thì chi vượt quá và nhà trường đã sử dụng hết số tiền ăn thu của học sinh để tổ chức nấu ăn cho học sinh. Quá trình điều tra, xác định không có dấu hiệu của tội phạm, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[18] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo Đồng Thị N đã tự nguyện nộp 130.000.000^d để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra (theo biên lai thu tiền số 0001964 ngày 28/02/2025), bị cáo Trần Thị B đã tự nguyện nộp 35.550.000^d (theo biên lai số 0001970 ngày 12/03/2025) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra. Đại diện theo ủy quyền của bị hại không có đề nghị gì về phần dân sự, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[19] Về vật chứng: Cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, để xử lý như sau:

[19.1] Tịch thu sung quỹ nhà nước đối với 01 (một) máy tính xách tay (laptop) nhãn hiệu HP, là máy tính cá nhân của bị cáo Đồng Thị N sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

[19.2] Trả lại tài sản là 01 (một) cây máy tính nhãn hiệu HP PAVILION, màu đen, đã qua sử dụng là tài sản của nhà trường mà bị cáo sử dụng trong thời gian làm việc tại trường Mầm non xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang, người nhận là bà Nguyễn Thị L là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[20] Về án phí: Cần áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để buộc các bị cáo phải chịu toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

[21] Do vậy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, những người tham gia tố tụng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 356, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 17, Điều 41, điểm a khoản 1 Điều 47, Điều 50, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2021); điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đồng Thị N, Trần Thị B phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

2. Hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Đồng Thị N 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 31/3/2025.

Không áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo Đồng Thị N.

Giao bị cáo Đồng Thị N cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường Mầm non D, huyện Y, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo công tác và gia đình bị cáo Đồng Thị N có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang và người được phân công trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị B 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 31/3/2025.

Không áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo Trần Thị B.

Giao bị cáo Trần Thị B cho Ủy ban nhân dân phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Các trường Mầm non Phú Lũng, Trường Tiểu học Phú Lũng, Trường Trung học cơ sở Phú Lũng, huyện Y, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo công tác và gia đình bị cáo Trần Thị B có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Đồng Thị N đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến công tác quản lý về giáo dục với thời hạn là 01 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; cấm bị cáo Trần Thị B đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến công tác quản lý về tài chính kế toán với thời hạn là 01 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước đối với vật chứng là 01 (một) máy tính xách tay (laptop) nhãn hiệu HP, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Đồng Thị N.

- Trả lại tài sản là 01 (một) cây máy tính nhãn hiệu HP PAVILION, màu đen, đã qua sử dụng cho Trường Mầm non xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Người nhận là bà Nguyễn Thị L, địa chỉ Tổ H, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Điều tra Công an tỉnh Hà Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y lập ngày 18/3/2025)

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Đồng Thị N, Trần Thị B, mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện theo ủy quyền của bị hại có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

6. Về thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang;
- PC 10, PV 06 Công an tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Y;
- Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Đặng

